TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HS-PT
Ngày 22 tháng 01 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Anh Tuấn
Các Thẩm phán: Bà Trần Ngọc Như
Ông Cao Văn Tám

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lâm Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa*:** Ông Trang Thanh Bình, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 98/2018/TLPT-HS ngày 18 tháng 12 năm 2018, do có kháng cáo của bị cáo Thị Ngọc H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2018/HS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Thị Ngọc H**, sinh năm 1972 tại huyện D, Bạc Liêu. Nơi cư trú: Ấp T, xã H, huyện D, tỉnh Bạc Liêu. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ văn hóa: 5/12. Dân tộc: Khmer. Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo: không. Giới tính: Nữ. Con ông Danh L, sinh năm 1950 và bà Thị K, sinh năm 1957; có chồng Danh Tr, sinh năm 1978; con: có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/4/2018 đến ngày 27/7/2018 cho bão lĩnh, tại ngoại đến nay, (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trần Minh Thư, là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

- Bị hại có kháng cáo: Ông Nguyễn Đức K, sinh năm 1986 và bà Mai Thị M, sinh năm 1989. Cùng địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện M, tỉnh Hải Dương, (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị hại ông Hồ Hoàng B, sinh năm 1989; bà Võ Thị Cẩm T, sinh năm 1989. Cùng địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện D, tỉnh Bạc

Liêu không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo và không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do bản thân thường xuyên mệt mỏi, nhức đầu và mới cất nhà tại ấp T, xã H nên Võ Cẩm T cùng chồng Hồ Hoàng B bàn tính đi xem bói, nghe nhiều người trong xóm nói bị cáo Thị Ngọc H trú cùng ấp xem bói, chữa bệnh hay, nên vào khoảng 09 giờ ngày 21/4/2018, Võ Cẩm T cùng chồng Hồ Hoàng B đến nhà bị cáo Thị Ngọc H để xem bệnh và trị bệnh. Khi đến nơi, bị cáo H dẫn vào phòng có nhiều hình, tượng phật để xem bệnh, bị cáo đốt nhang cúng, vái "Cửu quyền" để nhập xác coi bệnh. Sau đó, bị cáo nói T bị đạp bùa muốn giải được bùa, hết bệnh phải đưa số tiền 460.000 đồng để bị cáo mua trái cây, nhang, đèn cúng vái tam tai. Đồng thời, đưa số tiền 3.000.000 đồng để cúng vái cho hết bệnh. Do không đủ tiền, nên T đưa trước cho bị cáo H số tiền 460.000 đồng, đến trưa cùng ngày Hồ Hoàng B đến nhà đưa tiếp cho bị cáo H số tiền 3.000.000đ. Sau đó, bị cáo thường xuyên điện thoại cho T để hỏi thăm, T nói đã bớt bệnh nhưng chồng là B bị nhức đầu và ngăn ngực, bị cáo nói "Vậy là bùa từ T lây sang B" nếu muốn hết bệnh thì đưa cho bị cáo số tiền 4.000.000đ để bị cáo H cúng vái, T đồng ý. Đến ngày 23/4/2018, B đến nhà đưa cho bị cáo H số tiền 4.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền từ B, bị cáo thường xuyên điện thoại nói chuyện với T "Nếu muốn hết bệnh luôn phải đưa thêm cho bị cáo số tiền 3.000.000 đồng để bị cáo cúng vái", nhưng do T chưa có tiền nên không đưa ngay cho bị cáo. Đến khoảng 17 giờ, ngày 25/4/2018, T điện thoại cho bị cáo nói không có tiền nhưng có 03 chỉ vàng đưa được không thì bị cáo kêu T đem vào nhà đưa cho bị cáo, nhưng T không mang vào nhà cho bị cáo.

Đến sáng ngày 26/4/2018, T điện thoại cho bị cáo nói có việc bận không vào nhà đưa vàng cho bị cáo được, nên hẹn gặp tại quán 52 (đối diện nhà bác sĩ N) thuộc ấp N, thị trấn D, đến khoảng 09 giờ cùng ngày bị cáo đến điểm hẹn gặp Võ Cẩm T và Hồ Hoàng B. Trong lúc nói chuyện, B nói chỉ có 2 chỉ vàng chứ không phải 3 chỉ, bị cáo nói 2 chỉ cũng được, B đưa nhẫn vàng cho bị cáo đeo vào ngón giữa bàn tay phải thì bị Công an huyện D bắt quả tang, thu giữ cùng tang vật.

Ngoài ra, trong quá trình điều tra bị cáo còn khai nhận, cũng trong năm 2018 bị cáo cũng dùng thủ đoạn như trên để chiếm đoạt của bà Mai Thị M số tiền 11.600.000 đồng, bà M gửi tiền cho bị cáo thông qua số tài khoản ATM của bị cáo. Quá trình điều tra bị cáo khai nhận do Mai Thị M đang mang thai, nên nhờ bị cáo cúng vái để bà M sinh được con trai, nhưng bị cáo không gặp trực tiếp bà M cũng như không biết địa chỉ cụ thể, chỉ liên lạc qua điện thoại, bị cáo biết mà M thông qua chị ruột của bà M tên Mai Thị H trú ấp N, xã L, huyện D). Cơ quan điều tra Công an huyện D đã thông báo tìm người bị hại nhưng bà Mai Thị M chưa đến Cơ quan điều tra làm việc.

Quá trình điều tra bị cáo Thị Ngọc H thừa nhận, bản thân không có khả năng nhập xác, cúng vái, làm bùa, gỡ bùa cho người khác mà tự bịa đặt ra để tạo lòng tin cho người khác nhằm chiếm đoạt tiền để chi xài cho nhu cầu cá nhân.

Tại bản kết luận định giá tài sản bằng tiền Việt Nam đồng của Hội đồng định giá tài sản huyện Hồng Dân ngày 02/5/2018 xác định: 01 (một) chiếc nhẫn tròn trơn, có trọng lượng 02 chỉ, vàng 9999, bên trong nhẫn vàng đóng chữ và số "TRONG ĐIEU 9999 20" có giá trị là: 02 chỉ x 3.700.000 đồng = 7.400.000 đồng (Bảy triệu, bốn trăm ngàn đồng).

Quá trình điều tra bị cáo đã tác động gia đình nộp khắc phục toàn bộ hậu quả cho vợ chồng bà T, ông B và nộp số tiền là 11.600.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D để khắc phục hậu quả cho vợ chồng bà M, ông K.

Đối với các tang vật thu giữ khi bắt quả tang và sau khi khám xét nơi ở của Thị Ngọc H gồm: 01 điện thoại hiệu Masstel; 01 thẻ ATM ngân hàng AGRIBANK, 06 bọc ni long đựng nhiều quần áo cũ.

Từ nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2018/HS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bạc Liêu quyết định: Tuyên bố bị cáo Thị Ngọc H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Áp dụng khoản 1 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Thị Ngọc H 09 (Chín) tháng tù. Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, trả lại số tiền 11.600.000 đồng cho bị cáo, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 05 tháng 11 năm 2018, bị cáo Thị Ngọc H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại toàn bộ vụ án, bị cáo cho rằng bị cáo không phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tại phiên tòa, bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ngày 11 tháng 01 năm 2019, bị hại ông Nguyễn Đức K và bà Mai Thị M kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc bị cáo Thị Ngọc H trả cho bà M và ông K số tiền 11.600.000 đồng và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu đề nghị: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa thừa nhận có nhận tiền của bà T, ông B nhiều lần, mặc dù bị cáo không thừa nhận hành vi của mình là phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", nhưng hành vi dùng thủ đoạn gian dối nói trị được bệnh cho người khác nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", nên việc truy tố, xét xử bị cáo phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*, theo quy định tại khoản 1 Điều 174 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Đối với kháng cáo của bà Mai Thị M và ông Nguyễn Đức K: Tại phiên tòa sơ thẩm Viện kiểm sát đã rút một phần Quyết định truy tố đối với số tiền chiếm đoạt 11.600.000đ của bà Mai Thị M và ông Ngyễn Đức K. Hơn nữa, hành vi chiếm đoạt số tiền 11.600.000đ của bà Mai Thị M và ông Nguyễn Đức K chưa được điều tra, xét xử sơ thẩm; nhưng Bản án xác định bà Mai Thị M và

ông Nguyễn Đức K là bị hại trong vụ án là chưa đúng quy định của pháp luật, nên không xem xét hình thức đơn kháng cáo của bà Mai Thị M và ông Nguyễn Đức K. Tuy nhiên, ngày 22/01/2019 Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu có nhận đơn của bà M và ông K xác định số tiền 11.600.000đ là cho bị cáo mượn, hiện nay bị cáo đã trả xong và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét nội dung đơn yêu cầu của bà M và ông K.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bạc Liêu.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm: Hành vi của bị cáo không phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", số tiền bị cáo nhận của các bị hại là giao dịch mượn tiền có thỏa thuận sau 05 ngày sẽ trả lại, tính lần đầu tiên bị cáo nhận 3.460.000 đồng của ông B là ngày 21/4/2018 đến hết ngày 26/4/2018 mới hết 05 ngày như đã thỏa thuận, nhưng sáng ngày 26/4/2018 bắt bị cáo chưa hết 05 ngày thì chưa có căn cứ để xác định bị cáo không trả tiền cho bị hại T và B. Ngoài ra, việc chưa điều tra làm rõ tại sao các bị hại tìm đến bị cáo để trị bệnh và việc trị bệnh cho bị hại có khỏi bệnh không, nếu bị hại khỏi bệnh thì bị cáo có khả năng trị bệnh, bị cáo không nói dối, không lừa bị hại, tại sao các bị hại biết bị cáo có khả năng trị bệnh mà tìm đến nhà bị cáo để nhờ trị bệnh vì thực tế có nhiều người có khả năng trị bệnh bằng bùa ngải, có một số lời khai của bị cáo thể hiện sự mớm cung (BL 131, 133), hay tại tờ khai nhận tội thể hiện bị cáo là người dân tộc Khmer, ít học thì làm gì biết dùng những thuật ngữ pháp lý như "dùng thủ đoạn gian dối", "hành vi lừa đảo" để chiếm đoạt tài sản. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Thị Ngọc H không phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", vì số tiền bị cáo nhận của các bị hại chỉ là tiền mượn có thỏa thuận thời gian trả lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các bị hại Mai Thị M, Nguyễn Đức K vắng mặt tại phiên tòa nhưng theo biên bản giao nhận bản án cho bị hại Mai Thị M do người nhận Mai Thị H nhận thay lập ngày 02/01/2019, thể hiện cấp sơ thẩm đã tống đạt bản án cho bị hại không đúng thời hạn theo quy định tại Điều 262 Bộ luật Tố tụng hình sự. Ngày 09/01/2019 bị hại Mai Thị M, Nguyễn Đức K có đơn kháng cáo, nên việc kháng cáo của bị hại M, K vẫn còn trong hạn luật định; Tuy cấp sơ thẩm vi phạm thời hạn tống đạt bản án cho bị hại nhưng các bị hại vẫn thực hiện được quyền kháng cáo bản án, nên chỉ cần rút kinh nghiệm đối với cấp sơ thẩm trong việc giao bản án cho người tham gia tố tụng đúng thời gian trước khi chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Thị Ngọc H thừa nhận toàn bộ hành vi nhận tiền của các bị hại T, B và K, M. Tuy nhiên, bị cáo không thừa nhận hành vi của bị cáo là phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" vì bị cáo cho rằng bị cáo

chỉ mượn tiền của các bị hại. Hội đồng xét xử xét thấy, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại trong quá trình điều tra, truy tố. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Ngày 21/4/2018, bị cáo nhận của vợ chồng bà T, ông B số tiền 3.460.000đ, ngày 23/4/2018 bị cáo tiếp tục nhận của vợ chồng bà T, ông B số tiền 4.000.000đ và ngày 26/4/2018 tiếp tục nhận của vợ chồng bà T, ông B 02 chỉ vàng 24k thì bị bắt quả tang, cũng trong năm 2018 bị cáo nhận của vợ chồng ông K, bà M số tiền 12.000.000đ thông qua tài khoản của bị cáo mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo xác định khi có người đến xem bệnh, trị bệnh bị cáo nói với bị hại bị cáo có khả năng cúng vái, nhập xác để xem bệnh, trị bệnh và đặt tiền làm bùa để trị bệnh, nhưng thực tế bị cáo không có khả năng trị bệnh hay làm bùa trị bệnh, bị cáo cũng không được đào tạo qua trường lớp về khám, chữa bệnh và cũng không được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép mở cơ sở khám chữa bệnh bằng thuốc hay bằng hình thức khác theo quy định pháp luật, mà bị cáo lợi dụng sự mê tín vào thần linh, bùa ngải và sự thiếu hiểu biết của các bị hại để kêu bị hại đưa tiền cho bị cáo nhằm mục đích chiếm đoạt tiền để chi xài cho nhu cầu cá nhân, việc bị cáo nói nhận tiền 05 ngày trả lại là để nói dối các bị hại, thực tế bị cáo đã nhận tiền và lấy chi xài cá nhân. Không có căn cứ chấp nhận lời khai của bị cáo nhận tiền của các bị hại là giao dịch mượn tiền, vì chính bị cáo cũng thừa nhận nói với các bị hại đưa tiền để làm bùa cho hết bệnh, do tin vào lời nói của bị cáo nên các bị hại mới giao tiền, nên việc mượn tiền của bị cáo không phải là một giao dịch dân sự đơn thuần giữa người mượn và người cho mượn. Do đó, hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ dung năm 2017, nên việc truy tố, xét xử bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật, không truy tố, xét xử oan bị cáo.

[4] Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người có đầy đủ năng lực nhận thức, năng lực hành vi và năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự cho hành vi do mình gây ra.

[5] Xét kháng cáo của bị cáo cho rằng hành vi của bị cáo không phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình điều tra, truy tố và xét xử, Cơ quan điều tra đã thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa sơ thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo cũng thừa nhận đã dùng thủ đoạn mê tín, cúng vái làm bùa để chữa bệnh và làm cho người khác sinh con theo ý muốn để chiếm đoạt tài sản nhiều lần của các bị hại, mặc dù bị cáo cho rằng bị cáo có khả năng đó, nhưng thực tế bị cáo không có khả năng trị bệnh hay làm bùa chữa bệnh và mục đích việc làm này của bị cáo là để yêu cầu các bị hại đưa tiền cho bị cáo tiêu xài cá

nhân, hành vi phạm tội của bị cáo hoàn thành từ thời điểm các bị hại giao tiền cho bị cáo, việc bị cáo nói nhận tiền làm bùa 05 ngày trả lại cũng là lời nói gian dối để các bị hại tin mà giao tiền, thực tế sau khi nhận tiền bị cáo đã lấy chi xài cá nhân. Do đó, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", số tiền bị cáo nhận của các bị hại nhiều lần và dưới 50.000.000 đồng được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo không phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", có căn cứ chấp nhận đề nghị của Kiểm sát Viên, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bạc Liêu.

[6] Khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như; thành khẩn khai báo, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường khắc phục hậu quả, bị hại có đơn xin giảm nhẹ cho bị cáo theo quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội nhiều lần theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và phạt bị cáo mức án 09 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[7] Xét đề nghị của Trợ giúp viên pháp lý đề nghị tuyên bố bị cáo không phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Hội đồng xét xử xét thấy, như đã phân tích thì lời bào chữa cũng như đề nghị của Trợ giúp viên pháp lý không có căn cứ, không phù hợp pháp luật, nên không được chấp nhận.

[8] Xét kháng cáo của bà Mai Thị M và ông Nguyễn Đức K, theo đơn kháng cáo đề ngày 09/01/2019 của bà M, ông K có xác nhận của chính quyền địa phương, thể hiện bà M, ông K yêu cầu bị cáo giao trả lại số tiền đã chiếm đoạt 11.600.000 đồng, về trách nhiệm hình sự yêu cầu cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tuy nhiên, ngày 17/01/2019 bà M, ông K có đơn tường trình có xác nhận của chính quyền địa phương, xác định bị cáo H đã hoàn trả đủ số tiền 11.600.000 đồng cho ông bà, nên ông bà không yêu cầu gì thêm về số tiền bị chiếm đoạt, về phần trách nhiệm hình sự xin cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên tòa sơ thẩm Viện kiểm sát đã rút một phần Quyết định truy tố đối với số tiền chiếm đoạt 11.600.000đ của bà Mai Thị M và ông Ngyễn Đức K và trong quá trình điều tra chưa được làm rõ, Viện kiểm sát rút truy tố nhưng Bản án xác định bà Mai Thị M và ông Nguyễn Đức K là bị hại trong vụ án là chưa đúng quy định của pháp luật, nên cấp phúc thẩm không xem xét đơn kháng cáo của bà Mai Thị M và ông Nguyễn Đức K. Tuy nhiên, ngày 22/01/2019 Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu có nhận đơn của bà M và ông K xác định số tiền 11.600.000đ là cho bị cáo mượn, hiện nay bị cáo đã trả xong và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét nội dung đơn yêu cầu kháng cáo của bà M và ông K.

[9] Đối với những người có tên Công B, Danh K, Đỗ Thị H, Hồ Văn C, Hoàng Đức T, Hoàng Kim L, Lê Minh Th, Lê Văn Q, Lý Mộng X, Ngô Thị L, Nguyễn Hoàng Kh, Nguyễn Kim S, Nguyễn Mạnh H, Nguyễn Minh Th, Nguyễn

Thị Mộng T, Phạm Thị H, Phan Hoàng T2, Phạm Quang Đ, Thị Lệ H, Trần Diễm P, Trần Thị G, Trần Thị H, Trúc L, Trương Thị Q, Võ Văn H có chuyển tiền vào tài khoản của bị cáo, trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra Công an huyện D đã thông báo tìm người bị hại, nhưng hiện nay chưa có người đến Cơ quan điều tra trình báo, nên chưa đủ căn cứ xử lý hành vi của bị cáo Thị Ngọc H, Cơ quan điều tra tách ra khi nào làm việc được có căn cứ sẽ xử lý sau, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp.

[10] Đối với số tiền 1.000.000 đồng, Nguyễn Kiều D chuyển vào tài khoản của Thị Ngọc H. Quá trình điều tra chứng minh đây là số tiền Đỗ Ngọc D mẹ chồng Nguyễn Kiều D cho Thị Ngọc H mượn, nên không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Thị Ngọc H, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp.

[11] Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[12] Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2018/HS-ST ngày 30/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh bạc Liêu không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Thị Ngọc H, không xem xét kháng cáo của bị hại bà Mai Thị M, ông Nguyễn Đức K, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2018/HS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bạc Liêu.

1. Tuyên bố bị cáo Thị Ngọc H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Thị Ngọc H 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được đối trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/4/2018 đến ngày 27/7/2018.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, đểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo Thị Ngọc H 01 thẻ ATM của Ngân hàng Agribank và số tiền 11.600.000

đồng (mười một triệu sáu trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 005349 ngày 23/8/2018, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bạc Liêu.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Buộc bị cáo Thị Ngọc H phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

4. Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2018/HS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2018, của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bạc Liêu không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Bùi Anh Tuấn

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02b);
- VKSND huyện Hồng Dân (01b);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh Bạc Liêu (01b);
- TAND huyện Hồng Dân (02b);
- CQĐT huyện Hồng Dân (01b);
- Chi cục THADS huyện Hồng Dân (01b);
- Sở tư pháp tỉnh Bạc Liêu (01b);
- Bị cáo (01b);
- Bị hại (02b);
- Lưu:HS, THS, THCTP;